



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



22232001663

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH3**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	1621081	Lê Thị	Thủy								
2	1717020	Dương Lê Tú	Anh								
3	1721007	Nguyễn Thành	Chương					1	5		
4	18150279	Võ Thị Như	Quỳnh					2	5		
5	18230043	Đặng Vũ Phương	Nguyên					7	5		
6	19180168	Nguyễn Thanh	Vân					8	5		
7	19180292	Lê Thị Yến	Linh				0	0	0		
8	19210029	Phạm Minh	Đức					6	0		
9	19230009	Lê Huy	Hoàng								
10	19230022	Nguyễn Phúc	Tân								
11	19230047	Nguyễn Ngọc Hồng	Hân								
12	19230059	Trần Nhật	Long								
13	20120107	Phạm Đức	Huy					9	5		
14	20120333	Lâm Nguyễn Ngọc	Mỹ					8	5		
15	20120342	Trần Kỳ	Nhật					9	5		
16	20130121	Hoàng Nhật	Son					7	5		
17	20130136	Nguyễn Khắc Đặng	Triều								
18	20140366	Phạm Xuân	Tài					9	5		
19	20150025	Nguyễn Thị Ngọc	Hà					5	0		
20	20150137	Nguyễn Nhật	Hạ					6	5		
21	20150164	Phạm Thái	Khánh					2	5		
22	20150304	Trần Nguyễn Thúy	Vi					3	0		
23	20180269	Nguyễn Phi	Hùng					6	0		
24	20180412	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên				1	0	0		
25	20190102	Đinh Quang	Thành								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Hà Thuý Hằng</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2) <u>Nguyễn Thành Phong</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Hồng Ngọc</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001664

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH3**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20220066	Trần Thị Tú	Quyên								
27	21130133	Đinh Thị Ngọc	Diễm		<i>ng</i>			2	0		
28	21130181	Nguyễn Lê	Khanh		<i>ll</i>			5	5		
29	21130202	Đặng Trúc	Mi		<i>Tr</i>			7	5		
30	21130217	Hồ Thị Như	Nguyệt		<i>da</i>			4	0		
31	21150067	Đặng Tiểu	Long		<i>Long</i>			6	0		
32	21150127	Huỳnh Nguyễn Gia	Vinh		<i>Ng</i>			7	0		
33	21150187	Vũ Thị Xuân	Hà		<i>Ha</i>		0	0	0		
34	21150188	Đặng Gia	Hân		<i>Gu</i>			6	5		
35	21150202	Nguyễn Thị Thu	Hiền		<i>pe</i>		0	0	0		
36	21150278	Phan Hữu	Nhân		<i>tin</i>			4	5		
37	21150326	Trần Thị	Tâm		<i>Tr</i>			3	5		
38	21150331	Đỗ Minh	Thái		<i>DM</i>			3	0		
39	21150337	Tổng Thanh	Thanh		<i>Thanh</i>			0	5		
40	21150338	Trần Thị Mỹ	Thanh		<i>mythanh</i>		0	0	0		
41	21150342	Tô Ngọc Thanh	Thảo		<i>Th</i>		0	0	0		
42	21150344	Nguyễn Tuyết	Thi		<i>Th</i>			0	5		
43	21150348	Huỳnh Anh	Thư		<i>Th</i>			0	5		
44	21150366	Võ Đoàn	Trang		<i>Trang</i>			5	0		
45	21180071	Nguyễn Trương Lễ	Nghi		<i>Long</i>			9	5		
46	22120165	Lê Anh	Khôi		<i>Kh</i>			7	0		
47	22180157	Huỳnh Mai	Phương		<i>ph</i>			9	5		
48	22180158	Nguyễn Hoàng Thanh	Phương		<i>Ph</i>			3	5		
49	22180159	Nguyễn Thụy Hoàng Uyên	Phương		<i>Ph</i>			7	0		
50	22180160	Nguyễn Dương	Quân		<i>Qu</i>			9	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>Th</i> 2) <i>Ngô Hà Châu Hằng</i> Chữ ký: <i>Ng</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Hồng Ngọc</i> Chữ ký: <i>ng</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001665

Tên học phần: **Xác suất thống kê**Mã học phần: **MTH00040**Lớp: **22CSH3**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22180161	Nguyễn Minh	Quân		Quân		8	5			
52	22180162	Phan Ngọc Trúc	Quân		Phan		6	0			
53	22180163	Trần Vũ Hoàng	Quân		Trần		8	0			
54	22180165	Trương Ngọc	Quý		Trương		4	0			
55	22180166	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên		Nguyễn		1	0	0		
56	22180167	Hồ Trần Nhật	Quyên		Hồ		1	0	0		
57	22180168	Ngô Thị Mỹ	Quyên		Ngô		6	5			
58	22180169	Lê Thị Trúc	Quỳnh		Lê		8	0			
59	22180170	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		Nguyễn		9	0			
60	22180171	Phan Như	Quỳnh		Phan		6	0			
61	22180175	Tổng Thành	Tài								
62	22180176	Trương Thiện	Tài		Trương		9	0			
63	22180177	Lâm Kim	Tâm		Lâm		8	5			
64	22180178	Trần Võ Minh	Tâm		Trần		5	5			
65	22180179	Trương Phước	Tâm		Trương		8	0			
66	22180180	Đoàn Phan Nhật	Tân		Đoàn		9	5			
67	22180181	Trần Lê Hoàng	Tân		Trần		8	0			
68	22180182	Lê Minh	Thắng		Lê		1	0	0		
69	22180183	Nguyễn Cao	Thắng		Nguyễn		8	5			
70	22180184	Vũ Mạnh	Thắng		Vũ		5	5			
71	22180185	Võ Nguyễn Bảo	Thanh		Võ		5	5			
72	22180186	Đỗ Vũ Khải	Thành		Đỗ		9	0			
73	22180187	Võ Xuân	Thành		Võ		1	0	0		
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thành Phong</u> Chữ ký: <u>ph</u> 2) <u>Đoàn Văn Hùng</u> Chữ ký: <u>ĐVH</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Mộng Ngà</u> Chữ ký: <u>monghi</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001661

Tên học phần: **Xác suất thống kê**Mã học phần: **MTH00040**Lớp: **22CSH3**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	22180188	Bùi Thị Thanh	Thảo			☐		7	0		
2	22180189	Nguyễn Trung	Thảo			☐		8	0		
3	22180190	Phạm Thị Thu	Thảo			☐	1	0	0		
4	22180192	Trương Thị	Thiệt			☐		7	5		
5	22180195	Đậu Thị Anh	Thư			☐		8	5		
6	22180196	Nguyễn Minh	Thuận			☐		7	0		
7	22180197	Hà Cẩm	Thùy			☐		8	0		
8	22180198	Nguyễn Thị Thu	Thùy			☐		6	5		
9	22180199	Nguyễn Văn Minh	Tiến			☐		7	5		
10	22180200	Lê Trịnh Đình	Toàn			☐		4	0		
11	22180201	Võ Thị Thanh	Trà			☐		3	5		
12	22180202	Hồ Thị Bích	Trâm			☐		8	5		
13	22180203	Tô Lý Bảo	Trân			☐		9	0		
14	22180204	Nguyễn Thị Thùy	Trang			☐		6	5		
15	22180205	Trịnh Thị	Trang			☐		7	0		
16	22180207	Nguyễn Đào Đăng	Trí			☐		6	5		
17	22180208	Nguyễn Mạnh	Trí			☐		6	0		
18	22180209	Trần Minh	Trí			☐		7	5		
19	22180210	Phạm Chánh	Triết			☐		9	5		
20	22180211	Mai Tú	Trinh			☐		1	0		
21	22180212	Trương Thị Phương	Trinh			☐		8	0		
22	22180213	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc			☐		7	5		
23	22180214	Trần Trung	Trúc			☐		9	5		
24	22180215	Nguyễn Kế	Trung			☐	1	0	0		
25	22180217	Lê Vũ	Tuấn			☐		7	5		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Chữ ký:
2) Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001662

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH3**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22180218	Nguyễn Dương Gia	Tuệ				1	0	0		
27	22180219	Nguyễn Thanh	Tùng					9	0		
28	22180220	Lê Thị Thanh	Tuyền					9	0		
29	22180221	Nguyễn Mai Tuyết	Ngân				1	0	0		
30	22180222	Ngô Thảo	Uyên				1	0	0		
31	22180223	Nguyễn Phương	Uyên					8	5		
32	22180224	Trần Đông	Uyên					9	5		
33	22180225	Vũ Phương	Uyên				1	0	0		
34	22180226	Nguyễn Lê Thanh	Vân								
35	22180229	Nguyễn Quang	Vinh				1	0	0		
36	22180230	Nguyễn Huy	Vũ					9	0		
37	22180231	Nguyễn Hữu	Vương					9	0		
38	22180233	Lê Nguyễn Ái	Vy					8	5		
39	22180234	Nguyễn Thảo	Vy					8	5		
40	22180235	Trần Hoàng Phương	Vy					8	0		
41	22180236	Trần Thảo	Vy					9	0		
42	22180237	Đặng Cẩm	Xương					5	0		
43	22180238	Nông Thị	Yên					5	0		
44	22180239	Lâm Hoàng	Yến					7	5		
45	22180240	Nguyễn Phi	Yến					8	0		
46	22250005	Phạm Phùng Gia	Bảo					8	0		
47	22250010	Đặng Anh	Đức					8	5		
48	22250012	Đỗ Khánh	Duy					9	0		
49	22250029	Hoàng Gia	Linh					5	5		
50	22280084	Nguyễn Lê Chấn	Thiên					8	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001910

Tên học phần: **Phương trình đạo hàm riêng**

Mã học phần: **MTH10414**

Lớp: **20TTH**

Ngày thi: **27/04/2023**

Giờ thi: **16g00**

Phòng thi: **E404**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19110134	Phạm Long	Nguyễn								
2	19110146	Lê Tạ Huỳnh	Như				0	8	0	Tám	
3	19110277	Nguyễn Bá	Chinh				0	7	0	Bảy	
4	19110323	Đỗ Sỹ	Hung				0	9	0	Chín	
5	19110490	Vũ Đức	Trí				0	4	0	Bốn	
6	20110002	Nguyễn Thành	Lộc				0	9	0	Chín	
7	20110003	Nguyễn Bá Khôi	Nguyễn				1	0	0	Mười	
8	20110004	Nguyễn Mạc Nam	Trung				1	0	0	Mười	
9	20110014	Bùi Nguyễn Bửu	Quân				0	4	0	Bốn	
10	20110021	Vũ Đặng Nam	Anh				0	8	0	Tám	
11	20110147	Nguyễn Mậu Duy	Đạt				0	8	0	Tám	
12	20110234	Đặng Xuân	Mai				0	8	0	Tám	
13	20110288	Đoàn Minh	Quân				0	8	0	Tám	
14	20110298	Biện Phát	Tài				0	8	0	Tám	
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Đức Phú</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đặng Đức Trọng</u> Chữ ký:	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____
2). <u>Đinh Quốc Tuấn</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001972

Tên học phần: **Phân tích thống kê số liệu thực nghiệm trong kỹ thuật hạt nhân**

Mã học phần: NTE10103

Lớp: **20KTHN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19230009	Lê Huy	Hoàng		<i>Hoàng</i>	☐		1	0	một không	
2	19230022	Nguyễn Phúc	Tân		<i>Tân</i>	☐		0	5	không năm	
3	19230023	Hàng Thuận	Thiên		<i>Th</i>	☐		3	0	ba không	
4	19230052	Nguyễn Vĩnh	Hoàng		<i>Hoàng</i>	☐		1	0	một không	
5	19230076	Trịnh Thị Thiên	Thiên		<i>Tr</i>	☐		0	5	không năm	
6	19230084	Nguyễn Anh	Tú		<i>Ng</i>	☐		1	0	một năm	
7	20230002	Già Ngọc Trúc	Đào		<i>Đào</i>	☐		1	0	một năm	
8	20230011	Từ Đồng	Thuận		<i>Tu</i>	☐		2	0	hai không	
9	20230012	Nguyễn Cao	Trí		<i>Nc</i>	☐		5	0	năm không	
10	20230013	Nguyễn Bá Đoan	Trình		<i>NbĐ</i>	☐		2	0	hai không	
11	20230022	Nguyễn Minh	Đặng		<i>Nm</i>	☐		4	0	bốn không	
12	20230030	Lê Huệ	Giang		<i>Lh</i>	☐		2	5	hai năm	
13	20230031	Nguyễn Đỗ Ngọc	Hân		<i>NĐN</i>	☐		0	5	không năm	
14	20230040	Nguyễn Thành	Nhân			☐					
15	20230043	Nguyễn Trang	Nhung		<i>Nt</i>	☐		1	0	một không	
16	20230044	Thái	Phát		<i>Th</i>	☐		6	5	sáu năm	
17	20230045	Nguyễn Tấn	Phong		<i>Nt</i>	☐		1	5	một năm	
18	20230051	Nguyễn Việt	Quy		<i>Nv</i>	☐		2	5	hai năm	
19	20230057	Trương Việt	Tiến		<i>Tv</i>	☐		4	0	bốn không	
20	20230058	Hà Kiều	Trình		<i>Hk</i>	☐		1	0	một không	
21	20230059	Nguyễn Hoàng Khả	Vĩ		<i>NHK</i>	☐		6	0	sáu không	
22	20230060	Nguyễn Thị Thúy	Vy		<i>NtT</i>	☐		1	0	một không	
23	20230061	Bùi Thị Như	Ý		<i>BtN</i>	☐		1	5	một năm	
24	20230062	Lưu Thị Phi	Yến		<i>LtP</i>	☐		0	5	không năm	
25						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1).....	Chữ ký:.....	1).....	Chữ ký:.....		
2).....	Chữ ký:.....				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



22232001973

Tên học phần: **An toàn bức xạ**

Mã học phần: **NTE10105**

Lớp: **20KTHN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	19230009	Lê Huy	Hoàng		<i>Hoàng</i>	☐		9	0	chín	
2	19230014	Nguyễn Hoàng	Minh			☒					
3	19230022	Nguyễn Phúc	Tân		<i>Tân</i>	☐		7	0	bảy	
4	19230052	Nguyễn Vĩnh	Hoàng		<i>Hoàng</i>	☐		6	0	sáu	
5	19230076	Trịnh Thị Thiên	Thiên		<i>Thiên</i>	☐		9	0	chín	
6	19230084	Nguyễn Anh	Tú		<i>Tú</i>	☐		6	0	sáu	
7	20230002	Già Ngọc Trúc	Đào		<i>Đào</i>	☐		7	0	bảy	
8	20230011	Từ Đồng	Thuận		<i>Thuận</i>	☐		7	0	bảy	
9	20230012	Nguyễn Cao	Trí		<i>Trí</i>	☐	1	0	0	mười	
10	20230013	Nguyễn Bá Đoan	Trình		<i>Đoan</i>	☐		7	0	bảy	
11	20230022	Nguyễn Minh	Đặng		<i>Đặng</i>	☐	1	0	0	mười	
12	20230030	Lê Huệ	Giang		<i>Giang</i>	☐		5	0	năm	
13	20230031	Nguyễn Đỗ Ngọc	Hân		<i>Hân</i>	☐		5	0	năm	
14	20230040	Nguyễn Thành	Nhân			☒					
15	20230043	Nguyễn Trang	Nhung		<i>Trang</i>	☐	1	0	0	mười	
16	20230044	Thái	Phát		<i>Phát</i>	☐		9	0	chín	
17	20230045	Nguyễn Tấn	Phong		<i>Phong</i>	☐		8	0	tám	
18	20230051	Nguyễn Việt	Quy		<i>Quy</i>	☐		7	0	bảy	
19	20230057	Trương Việt	Tiến		<i>Việt</i>	☐		6	0	sáu	
20	20230058	Hà Kiều	Trình		<i>Trình</i>	☐		7	0	bảy	
21	20230059	Nguyễn Hoàng Khả	Vĩ		<i>Khả</i>	☐		5	0	năm	
22	20230060	Nguyễn Thị Thúy	Vy	1	<i>Thúy</i>	☐		8	0	tám	
23	20230061	Bùi Thị Như	Ý		<i>Như</i>	☐		8	0	tám	
24	20230062	Lưu Thị Phi	Yến		<i>Phi</i>	☐		7	0	bảy	
25						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Cẩm Thu</i> Chữ ký: <i>gthu</i>	Họ, tên: <i>Châu Văn Tào</i> Chữ ký: <i>chut</i>	Họ, tên: Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006792

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1712745	Nguyễn Hồng	Tâm				0	0		không	
2	19110463	Phạm Ngọc Minh	Thư		Nợ HP		1	6		một sáu	
3	19110474	Tô Trung	Tín		Nợ HP		1	6		một sáu	
4	19120614	Lê Nguyễn Tâm	Nhi				0	0		không	
5	19170136	Đoàn Thị Mỹ	Diễm				1	4		một bốn	
6	19170178	Châu Phạm Phương	Mai		Nợ HP		1	4		một bốn	
7	19220122	Nguyễn Đăng	Khoa		Nợ HP		2	8		hai tám	
8	20110213	Trần Duy	Khánh				1	6		một sáu	
9	20110312	Trần Thị Thanh	Thảo				7	0		bảy không	
10	20110322	Lê Trần Mai	Thy				1	6		một sáu	
11	20150105	Kiều Từ Thiên	Thái				1	6		một sáu	
12	20180259	Võ Trí	Hiếu				0	0		không	
13	21120394	Nguyễn Hoàng Ngọc	Bảo				7	0		bảy không	
14	21120559	Nguyễn Ngọc	Thiên				0	0		không	
15	21120595	Nguyễn Thành	Vinh				0	0		không	
16	21130298	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần		Nợ HP		0	0		không	
17	21150257	Nguyễn Thị Kiều	My		Nợ HP		0	0		không	
18	21150280	Huỳnh Bảo Yến	Nhi				0	0		không	
19	21170188	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết				0	0		không	
20	21180146	Quách Triệu	Vy				1	0		một không	
21	22120090	Nguyễn Văn	Hải				6	8		sáu tám	
22	22120091	Phạm Khánh	Hân				8	8		tám tám	
23	22120094	Lê Bảo Hồng	Hạnh				7	0		bảy không	
24	22120095	Nguyễn Xuân	Hạnh				8	2		tám hai	
25	22120097	Nguyễn Anh	Hào				3	6		ba sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>PHẠM NGUYỄN HOÀNG LAM</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006793

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22120098	Phan Anh	Hào				3	6		ba sáu	
27	22120099	Trần Gia	Hào				7	4		bảy bốn	
28	22120102	Trần Xuân Minh	Hiển		Nợ HP		3	6		ba sáu	
29	22120106	Võ Phi	Hồ				7	2		bảy hai	
30	22120110	Đặng Minh	Hoàng				7	6		bảy sáu	
31	22120112	Nguyễn Ngọc	Hoàng				7	4		bảy bốn	
32	22120118	Vòng Sau	Hùng				9	6		chín sáu	
33	22120119	Bùi Khánh	Hung		Nợ HP		3	6		ba sáu	
34	22120120	Đặng Phúc	Hung				5	8		năm tám	
35	22120121	Lê Viết	Hung				9	6		chín sáu	
36	22120124	Nguyễn Minh	Hung		Nợ HP		7	4		bảy bốn	
37	22120126	Nguyễn Tấn	Hung				7	2		bảy hai	
38	22120127	Võ Nguyễn Gia	Hung				7	2		bảy hai	
39	22120129	Đặng Đức	Huy				8	8		tám tám	
40	22120132	Dương Đức	Huy				9	2		chín hai	
41	22120134	Hoàng Tiến	Huy				9	0		chín không	
42	22120135	Lê Quang	Huy				7	6		bảy sáu	
43	22120137	Nguyễn Minh	Huy				9	0		chín không	
44	22120139	Nguyễn Văn	Huy				8	6		tám sáu	
45	22120140	Phí Quang	Huy		Nợ HP		1	8		một tám	
46	22120143	Nguyễn Thị	Huyền				7	2		bảy hai	
47	22120145	Y Jop	Kđoh				5	8		năm tám	
48	22120147	Bùi Trần Quang	Khải				9	2		chín hai	
49	22120151	Nguyễn Minh	Khang				9	2		chín hai	
50	22120152	Phạm Gia	Khang				7	6		bảy sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>PHAN NGUYỄN HOÀNG LONG</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006794

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22120153	Trần Duy	Khang			☐		9	4	chín bốn	
52	22120157	Nguyễn Nam	Khánh			☐		5	8	năm tám	
53	22120158	Nguyễn Văn	Khánh			☐		8	0	tám không	
54	22120159	Phạm Gia	Khiêm			☐		7	0	bảy không	
55	22120160	Bùi Lê Anh	Khoa			☐		9	2	chín hai	
56	22120163	Phạm Đào Anh	Khoa			☐		7	4	bảy bốn	
57	22120165	Lê Anh	Khôi			☐		8	2	tám hai	
58	22120167	Mạnh Trọng	Kiên			☐		7	6	bảy sáu	
59	22120169	Nguyễn Trung	Kiên			☐		5	8	năm tám	
60	22120170	Nguyễn Trung	Kiên			☐		5	8	năm tám	
61	22120171	Lê Văn Tuấn	Kiệt			☐		5	2	năm hai	
62	22120175	Quách Thành	Kiệt			☐		7	2	bảy hai	
63	22120178	Dra H' Joan	Kina			☐		7	0	bảy không	
64	22120267	Đặng Hữu	Phú			☐		4	0	bốn không	
65	22120268	Nguyễn Đình	Phú			☐		9	2	chín hai	
66	22120271	Dương Hoàng Hồng	Phúc			☐		8	6	tám sáu	
67	22120272	Hà Gia	Phúc			☐		9	4	chín bốn	
68	22120276	Nguyễn Lê Anh	Phúc			☐		8	6	tám sáu	
69	22120284	Dương Kim	Phụng			☐		7	6	bảy sáu	
70	22120285	Nguyễn Văn	Phước			☐		5	0	năm không	
71	22120287	Nguyễn Mạnh	Phương			☐		8	4	tám bốn	
72	22120289	Hồ Ngọc Trung	Quân			☐		8	8	tám tám	
73	22120290	Lê Minh	Quân			☐		9	6	chín sáu	
74	22120293	Võ Hoàng Anh	Quân			☐		8	8	tám tám	
75	22120294	Cao Minh	Quang		Nợ HP	☐		5	4	năm bốn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

1).....Chữ ký:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006795

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22120303	Mai Xuân	Quý				7	0		bảy không	
77	22120304	Nguyễn Thị Kim	Quý				9	0		chín không	
78	22120314	Lê Tiến	Tài				5	8		năm tám	
79	22120316	Phan Văn	Tài				7	4		bảy bốn	
80	22120318	Trần Hữu	Tài				8	0		tám không	
81	22120326	Nguyễn Trường	Tân				5	8		năm tám	
82	22120336	Võ Tuấn	Thành				9	2		chín hai	
83	22120338	Đỗ Hạnh	Thảo				9	0		chín không	
84	22120341	Nguyễn Minh	Thiện				9	0		chín không	
85	22120343	Đinh Đức	Thiện				9	0		chín không	
86	22120352	Phạm Nguyễn Quang	Thoại				6	6		sáu sáu	
87	22120396	Bùi Khắc	Trung				8	8		tám tám	
88	22120403	Đỗ Văn	Tư				7	4		bảy bốn	
89	22120419	Nguyễn Văn	Tý				9	4		chín bốn	
90	22140175	Lê Phúc	Sinh				3	2		ba hai	
91	22180007	Touneh Huỳnh Thiên	Ân				2	2		hai hai	
92	22200009	Đặng Gia	Bảo				5	2		năm hai	
93	22200022	Đào Vũ Ngọc	Chính				8	6		tám sáu	
94	22200027	Nguyễn Hữu	Đạt				5	6		năm sáu	
95	22200029	Võ Tấn	Đạt				8	6		tám sáu	
96	22200034	Lê Minh	Đức				8	8		tám tám	
97	22200036	Vũ Đình	Đức				7	2		bảy hai	
98	22200037	Mai Tiến	Dũng		Nợ HP		5	2		năm hai	
99	22200072	Lê Tấn	Huy				8	0		tám không	
100	22200095	Phạm Hoàng	Lộc				6	6		sáu sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>PHẠM NGUYỄN HOÀNG LONG</u> Chữ ký: 	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006796

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **22CTT3**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
101	22200099	Nguyễn Phi	Long			☐		3	4	ba bốn	
102	22200108	Mai Hữu	Ngan			☐		5	8	năm tám	
103	22200111	Đặng Hoài	Nhân			☐		8	6	tám sáu	
104	22200120	Trần Thế	Pháp			☐		5	4	năm bốn	
105	22200184	Đặng Thế	Vinh			☐		1	6	một sáu	
106	22280013	Phạm Lê Hồng	Đức			☐		7	2	bảy hai	
107	22280026	Huỳnh Ngọc	Hòa			☐		8	6	tám sáu	
108						☐					
109						☐					
110						☐					
111						☐					
112						☐					
113						☐					
114						☐					
115						☐					
116						☐					
117						☐					
118						☐					
119						☐					
120						☐					
121						☐					
122						☐					
123						☐					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>PHẠM NGUYỄN HÒA NG. LONG</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:

Trúc Linh



222232006844



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	22140001	Hồ Thị Châu	Á					9	0	Chín không	
2	22140002	Lâm Triều	An					6	5	Sáu năm	
3	22140003	Ngô Quốc	An		Nợ HP			7	0	Bảy không	
4	22140004	Nguyễn Tấn	An					4	5	Bốn năm	
5	22140005	Trần Thị Nhã	An					8	5	Tám năm	
6	22140006	Bùi Ngọc Trúc	Anh					8	0	Tám không	
7	22140007	Đặng Võ Hoài	Anh					1	5	Một năm	
8	22140008	Đỗ Việt	Anh					0	0	Không không	
9	22140009	Dương Trịnh Thế	Anh				1	0	0	Mười	
10	22140010	Hoàng Hải Quỳnh	Anh					0	0	Không không	
11	22140011	Huỳnh Trâm	Anh					6	5	Sáu năm	
12	22140012	Lê Thị Hoàng	Anh					8	5	Tám năm	
13	22140013	Lê Trâm	Anh					8	5	Tám năm	
14	22140014	Lương Vũ Thế	Anh					6	5	Sáu năm	
15	22140015	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh					2	5	Hai năm	
16	22140016	Nguyễn Thị Hồng	Anh					7	0	Bảy không	
17	22140017	Phạm Thụy Trúc	Anh					0	0	Không không	
18	22140018	Phạm Vũ Bảo	Anh					3	0	Ba không	
19	22140019	Trần Mai Trâm	Anh					9	0	Chín không	
20	22140020	Hà Gia	Bảo					9	0	Chín không	
21	22140021	Lâm Quốc	Bảo					5	0	Năm không	
22	22140022	Lê Võ Gia	Bảo					5	0	Năm không	
23	22140023	Lý Thái	Bảo					9	5	Chín năm	
24	22140024	Nguyễn Trần Gia	Bảo					6	5	Sáu năm	
25	22140026	Vũ Thái	Bảo					7	0	Bảy không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006845

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22140028	Nguyễn Xuân	Biên					7	0	Bảy không	
27	22140030	Lê Lan	Chi				1	0	0	Mười	
28	22140031	Lý Minh	Đại					8	0	Tám không	
29	22140032	Hà Tấn	Đạt					6	5	Sáu năm	
30	22140033	Hoàng Minh	Đạt					8	0	Tám không	
31	22140034	Huỳnh Lập	Đạt					6	0	Sáu không	
32	22140035	Nguyễn Phạm Phát	Đạt					7	5	Bảy năm	
33	22140036	Phạm Cao Tiến	Đạt					8	0	Tám không	
34	22140037	Phạm Dương Tiến	Đạt					6	5	Sáu năm	
35	22140039	Trần Công	Dinh					7	0	Bảy không	
36	22140040	Lý Tín	Đức					9	0	Chín không	
37	22140041	Nguyễn Thị	Dung					8	0	Tám không	
38	22140042	Nguyễn Hải	Dương					8	5	Tám năm	
39	22140043	Phan My Thùy	Dương					7	5	Bảy năm	
40	22140044	Trần Đại	Dương		Nợ HP			7	0	Bảy không	
41	22140045	Phan Nguyễn Khang	Duy					9	0	Chín không	
42	22140046	Phan Nhật	Duy					8	5	Tám năm	
43	22140047	Huỳnh Phương Ngọc	Duyên					9	0	Chín không	
44	22140048	Lê Thị Thảo	Duyên					8	0	Tám không	
45	22140049	Nguyễn Huỳnh Hạnh	Duyên					8	0	Tám không	
46	22140050	Phạm Thị Cẩm	Giang					9	5	Chín năm	
47	22140051	Cao Thị Mỹ	Hà					6	5	Sáu năm	
48	22140052	Nguyễn Hải	Hà					9	0	Chín không	
49	22140053	Nguyễn Ngọc Minh	Hà					8	5	Tám năm	
50	22140054	Đỗ Thị Hồng	Hải					8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006846

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22140055	Vũ Xuân	Hải			○		5	0	Năm không	
52	22140056	Đoàn Mỹ	Hân			○		8	0	Tám không	
53	22140057	Lê Trần Ngọc	Hân			○		7	5	Bảy năm	
54	22140058	Nguyễn Thị Ngọc	Hân			○		8	0	Tám không	
55	22140059	Phạm Thị Ngọc	Hân			○		6	0	Sáu không	
56	22140060	Lê Anh	Hào			○		7	0	Bảy không	
57	22140061	Mạc Dĩ	Hào			○		7	5	Bảy năm	
58	22140062	Võ Văn	Hào			○		9	5	Chín năm	
59	22140063	Bùi Đức	Hiếu			○		9	0	Chín không	
60	22140064	Bùi Trung	Hiếu			○		5	5	Năm năm	
61	22140065	Mai Văn	Hiếu			○		8	5	Tám năm	
62	22140067	Quách Thị Xuân	Hoa			○		9	0	Chín không	
63	22140068	Nguyễn Thái	Hòa			○		9	0	Chín không	
64	22140069	Trịnh Lê Việt	Hòa			○		9	0	Chín không	
65	22140070	Đinh Nguyễn Đức	Hoan			○		9	0	Chín không	
66	22140071	Huỳnh Huy	Hoàng			○		8	5	Tám năm	
67	22140073	Tạ Kim	Hùng			○		8	5	Tám năm	
68	22140075	Huỳnh Văn	Hữu			○		9	5	Chín năm	
69	22140076	Đào Nhật	Huy		Nợ HP	○		1	0	Một không	
70	22140077	Lê Đoàn Tuấn	Huy			○		9	5	Chín năm	
71	22140078	Lê Phan Bảo	Huy		Nợ HP	○		1	5	Một năm	
72	22140079	Nguyễn Khắc	Huy			○		8	0	Tám không	
73	22140080	Nguyễn Minh	Huy			○		9	0	Chín không	
74	22140081	Nguyễn Ngọc	Huy			○		8	5	Tám năm	
75	22140082	Phạm Mai Quang	Huy			○		7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006847

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
76	22140083	Vũ Bá	Huy					5	5	Năm năm	
77	22140084	Vũ Đức	Huy					9	0	Chín không	
78	22140085	Mai Thị	Huyền					9	0	Chín không	
79	22140086	Nguyễn Thanh	Huyền					7	5	Bảy năm	
80	22140087	Quách Thị Thương	Huyền					9	0	Chín không	
81	22140088	Nguyễn Hoàng Nhã	Kha		Nợ HP			5	0	Năm năm	
82	22140089	Phạm Hưng	Khải					1	0	Một không	
83	22140090	Trương Tuấn	Khải					6	5	Sáu năm	
84	22140091	Huỳnh Thái	Khang					9	5	Chín năm	
85	22140094	Võ Hoàng Vĩnh	Khánh					9	0	Chín không	
86	22140095	Hà Trung	Kiên					7	0	Bảy không	
87	22140097	Hoàng Anh	Kiệt					8	5	Tám năm	
88	22140099	Trương Tất	Kiệt					9	0	Chín không	
89	22140100	Võ Anh	Kiệt					5	0	Năm không	
90	22140101	Đỗ Gia	Kỳ					8	0	Tám không	
91	22140102	Thái Minh	Lập				1	0	0	Mười	
92	22140103	Bùi Thị Kim	Liên					9	5	Chín năm	
93	22140104	Bùi Ngọc	Linh					8	0	Tám không	
94	22140105	Cao Quang	Linh					8	5	Tám năm	
95	22140106	Lê Thị Kiều	Linh					7	5	Bảy năm	
96	22140107	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh					1	0	Một không	
97	22140108	Nguyễn Ngọc Gia	Linh					9	0	Chín không	
98	22140109	Nguyễn Thị Mỹ	Linh					6	5	Sáu năm	
99	22140111	Bùi Thị Kiều	Loan					6	0	Sáu không	
100	22140112	Trần Nguyễn Tổ	Loan					9	0	Chín không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Chi Trúc Linh</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006848

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22HOH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	22140114	Lý Thị Nhật	Ly			☐		9	5	Chín năm	
102	22140131	Trần Minh	Ngọc			☐		9	5	Chín năm	
103	22140134	Trần Xuân	Nguyễn			☐		9	0	Chín không	
104	22140135	Trần Ngọc Thanh	Nhã			☐		4	5	Bốn năm	
105	22140139	Nguyễn Minh	Nhật			☐		9	5	Chín năm	
106	22140148	Lê Thị Hồng	Nhung			☐		9	0	Chín không	
107	22140150	Dương Hoài	Ninh			☐		9	5	Chín năm	
108	22140152	Lê Nguyễn Kiều	Oanh			☐		8	5	Tám năm	
109	22140153	Lê Tấn	Phát			☐		6	5	Sáu năm	
110	22140156	Nguyễn Việt	Phong			☐		7	5	Bảy năm	
111	22140159	Lê Huỳnh Phương	Phúc			☐		3	5	Ba năm	
112	22140161	Trần Minh	Phúc			☐		9	5	Chín năm	
113	22140172	Mã Mỹ	Quỳnh			☐		9	5	Chín năm	
114	22140177	Nguyễn Minh	Tâm			☐		9	5	Chín năm	
115	22140186	Trần Nghiêm	Thành			☐		9	0	Chín không	
116	22140191	Nguyễn Thị Thạc	Thảo			☐		9	5	Chín năm	
117	22140205	Đào Khánh	Thuận			☐		9	5	Chín năm	
118	22140231	Phạm Thanh	Tuấn			☐		9	0	Chín không	
119	22140237	Ngô Quốc	Việt			☐		9	0	Chín không	
120	22140239	Lưu Quang	Vũ			☐		9	5	Chín năm	
121	22140245	Đặng Hồng	Yến			☐		8	5	Tám năm	
122						☐					
123						☐					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Nguyễn Thị Trúc Linh

[Signature]



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006814

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18150105	Lê Nguyễn Ngân	Giang		Nợ HP		0	0		không	
2	18220117	Nguyễn Thanh	Trúc				0	0		không	
3	19120012	Đào Anh	Hào		Nợ HP		0	0		không	
4	19150115	Trần Thanh	Liêm				4	5		bốn năm	
5	20200142	Võ Lý	Bình				0	0		không	
6	20220041	Nguyễn Vũ Gia	Huy				3	0		ba	
7	20220048	Vũ Bảo	Long				3	0		ba	
8	20220062	Trần Ngọc	Phước				5	8		năm tám	
9	20220085	Nguyễn Phạm Phương	Thy				2	8		hai tám	
10	21110275	Mai Nguyễn Ngọc	Duy				0	0		không	
11	21120501	Nguyễn Ngọc Gia	Minh				7	6		bảy sáu	
12	21120582	Đinh Hoàng	Trung				7	5		bảy năm	
13	21250072	Phùng Thị Hồng	Khanh				7	6		bảy sáu	
14	21250131	Nguyễn Thị Hồng	Gấm		Nợ HP		7	7		bảy bảy	
15	22120237	Nguyễn Lê	Nguyên				9	7		chín bảy	
16	22120238	Nguyễn Minh	Nguyên				9	9		chín chín	
17	22200132	Lê Hùng Tiến	Quốc				0	0		không	
18	22220001	Hồ Quốc	Bình				6	2		sáu hai	
19	22220002	Phan Thị Mộng	Cầm				9	3		chín ba	
20	22220003	Huỳnh Ngọc Minh	Châu				8	8		tám tám	
21	22220004	Phan Hồng	Châu				7	4		bảy bốn	
22	22220005	Quách Thành	Công				5	9		năm chín	
23	22220006	Phạm Hoàng Minh	Đăng				9	5		chín năm	
24	22220007	Nguyễn Xuân	Dĩ				7	9		bảy chín	
25	22220008	Dương Thị Kiều	Diễm				4	4		bốn bốn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Ngân</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Ngân</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Ngân</u>
1).....Chữ ký: <u>nguy</u>	1).....Chữ ký: <u>nguy</u>	1).....Chữ ký: <u>nguy</u>
2).....Chữ ký: <u>nguy</u>	2).....Chữ ký: <u>nguy</u>	2).....Chữ ký: <u>nguy</u>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006815

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22CMT1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22220009	Nguyễn Ngọc	Diệp				8	8		tám tám	
27	22220010	Huỳnh Xuân	Đông				8	6		tám sáu	
28	22220011	Nguyễn	Duy				6	3		sáu ba	
29	22220012	Võ Hoàng	Duy				9	2		chín hai	
30	22220014	Vũ Hồng	Giới				4	9		bốn chín	
31	22220015	Lâm Ngọc	Hà				6	4		sáu bốn	
32	22220016	Dương Vũ Ngọc	Hân				8	8		tám tám	
33	22220017	Nguyễn Văn	Hiệu				8	9		tám chín	
34	22220019	Trần Gia	Huy				5	5		năm năm	
35	22220020	Trần Quốc	Huy				9	6		chín sáu	
36	22220021	Đỗ Hoàng	Khang				9	3		chín ba	
37	22220022	Nguyễn Hoàng	Khánh				7	4		bảy bốn	
38	22220023	Đỗ Duy	Khôi		Nợ HP		1	3		một ba	
39	22220024	Đinh Tuấn	Kiệt				9	5		chín năm	
40	22220025	Nguyễn Thị	Loan				8	5		tám năm	
41	22220026	Phạm Ngọc	Minh				7	5		bảy năm	
42	22220027	Lê Thái Hoàng	Ngân		Nợ HP		0	0		không	
43	22220028	Trần Thị Thanh	Ngân				7	2		bảy hai	
44	22220029	Tô Hoàng Phương	Nghi				7	6		bảy sáu	
45	22220030	Phạm Vũ Thy	Ngọc				8	2		tám hai	
46	22220031	Nguyễn Mai Thanh	Nguyên				8	5		tám năm	
47	22220032	Nguyễn Tấn Bảo	Nguyên				7	3		bảy ba	
48	22220034	Nguyễn Thành	Nhân				4	0		bốn	
49	22220035	Hồ Như	Nhất				9	9		chín chín	
50	22220037	Tạ Huỳnh	Nhi				7	8		bảy tám	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn Ngọc
1).....Chữ ký: Nguyễn Văn Ngọc
2).....Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Văn Ngọc
Chữ ký: Nguyễn Văn Ngọc

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006816

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22CMT1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F107**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22220038	Võ Ngọc	Nhi			☐	6	1		sáu một	
52	22220039	Trần Huy	Nhon			☐	9	8		chín tám	
53	22220040	Võ Thành	Nhon			☐	6	7		bảy sáu	
54	22220041	Nguyễn Thị Ngọc	Như			☐	9	2		chín hai	
55	22220042	Nguyễn Đình	Phát			☐	9	8		chín tám	
56	22220043	Đặng Quang	Phú			☐	8	3		tám ba	
57	22220044	Lê Nguyễn Chí	Phúc			☐	9	3		chín ba	
58	22220045	Hồ Nguyễn Anh	Quân			☐	8	0		tám	
59	22220046	Nguyễn Thị Ngọc	Quý			☐	9	6		chín sáu	
60	22220047	Phạm Hoàng Vân	Quỳnh		Nợ HP	☐	0	0		không	
61	22220048	Lâm Tấn	Sang			☐	0	0		không	
62	22220049	Phạm Trần Quang	Son			☐	3	0		ba	
63	22220050	Phạm Mạnh	Tài			☐	9	2		chín hai	
64	22220051	Nguyễn Minh	Thắng			☐	9	3		chín ba	
65	22220053	Nguyễn Ngọc	Thanh			☐	9	3		chín ba	
66	22220054	Huỳnh Kim	Thi			☐	9	0		chín	
67	22220055	Nguyễn Lê Tâm	Thi			☐	2	8		hai tám	
68	22220056	Nguyễn Viết Anh	Thi			☐	9	0		chín	
69	22220057	Nguyễn	Thịnh			☐	1	7		một bảy	
70	22220058	Võ Hoàng Minh	Thư			☐	5	9		năm chín	
71	22220059	Nguyễn Thị Như	Thụy			☐	9	3		chín ba	
72	22220060	Nguyễn Ngọc Diễm	Thy			☐	6	2		sáu hai	
73	22220061	Nguyễn Hồng Khánh	Tiên			☐	9	0		chín	
74	22220062	Nguyễn Thủy	Tiên			☐	9	1		chín một	
75	22220065	Phan Công	Trọng			☐	7	3		bảy ba	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn Ngọc
1).....Chữ ký: Nguyễn Văn Ngọc
2).....Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Văn Ngọc
Chữ ký: Nguyễn Văn Ngọc

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232006817

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
76	22220066	Đặng Minh	Trung				9	4		chín bốn	
77	22220067	Vũ Phạm Anh	Tú				7	5		bảy năm	
78	22220068	Lê Danh	Tuấn				9	1		chín một	
79	22220070	Bùi Thị Thanh	Vân				9	5		chín năm	
80	22220071	Phạm Lê Bảo	Vi		Nợ HP		0	0		không	
81	22220072	Nguyễn Thế	Vinh				9	4		chín bốn	
82	22290001	Lê Tuấn	Anh				9	8		chín tám	
83	22290002	Nguyễn Lê Chiêu	Anh				9	4		chín bốn	
84	22290003	Thái Ngọc Trang	Đài				8	9		tám chín	
85	22290004	Cao Xuân	Định				7	6		bảy sáu	
86	22290005	Lê Hữu	Đông				6	0		sáu	
87	22290006	Lê Hoàng	Dũng		Nợ HP		0	0		không	
88	22290007	Hồ Minh	Duy				8	0		tám	
89	22290008	Lê Hoàng	Giang		Nợ HP		0	0		không	
90	22290010	Đào Tuấn	Hung				9	3		chín ba	
91	22290012	Thái Hoàng	Kim				7	4		bảy bốn	
92	22290013	Nguyễn Gia	Linh				7	6		bảy sáu	
93	22290014	Trần Khánh	Linh		Nợ HP		9	4		chín bốn	
94	22290015	Lê Khánh	Luân				4	1		bốn một	
95	22290016	Nguyễn Thị Xuân	Mai				9	2		chín hai	
96	22290019	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc				7	7		bảy bảy	
97	22290020	Trần Lê Bảo	Ngọc				7	1		bảy một	
98	22290021	Nguyễn Thành	Nhân				9	5		chín năm	
99	22290022	Phạm Thị	Nhị				9	8		chín tám	
100	22290023	Nguyễn Thu	Nhung				6	0		sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Ngọc</u> 1).....Chữ ký: <u>Nguyễn Văn Ngọc</u> 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Ngọc</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Văn Ngọc</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006818

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	22290024	Võ Thị Hồng	Nhung					8	0	ba	ba
102	22290025	Nguyễn Thị Tuyết	Phuong					7	7	bảy bảy	
103	22290026	Lữ Thị Như	Quỳnh					9	7	chín bảy	
104	22290028	Cù Minh	Thiện					9	8	chín tám	
105	22290029	Bùi Ngọc	Thơ					7	0	bảy	
106	22290030	Huỳnh Thị Hoài	Thương					9	2	chín hai	
107	22290031	Phạm Thị Thanh	Thúy					7	6	bảy sáu	
108	22290032	Đặng Thị	Thùy					3	2	ba hai	
109	22290033	Trần Thanh	Toàn					9	7	chín bảy	
110	22290034	Hoàng Mai	Trang					9	1	chín một	
111	22290035	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang					7	6	bảy sáu	
112	22290036	Ngô Thị Lan	Trinh					9	2	chín hai	
113	22290037	Phan Thanh	Tùng					8	9	tám chín	
114	22290038	Trần Minh	Tùng					9	0	chín	
115	22290039	Huỳnh Bích	Tuyền					7	3	bảy ba	
116	22290040	Nguyễn Trần Kim	Tuyền		Nợ HP			1	7	một bảy	
117	22290042	Võ Nguyễn Đức	Vỹ		Nợ HP			9	5	chín năm	
118	22290043	Trần Thị Lệ	Xuân					9	4	chín bốn	
119											
120											
121											
122											
123											
124											
125											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn
1).....Chữ ký: Nguyễn Văn
2).....Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Văn
Chữ ký: Nguyễn Văn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006819

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CSH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	1615173	Trương Hàn	Khuyên		Nợ HP		0	0		không	
2	1719166	Lê Văn	Sỹ		Nợ HP		0	0		không	
3	18140272	Trương Nhật	Nam				0	0		không	
4	19140347	Phạm Huỳnh Nhật	Duy				0	0		không	
5	19150282	Vương Đình Mai	Anh				0	0		không	
6	19170034	Hà Thị Mỹ	Duyên				5	0		năm	
7	19170206	Nguyễn Xuân	Phúc		Nợ HP		0	0		không	
8	19170210	Nguyễn Đăng	Quang		Nợ HP		0	0		không	
9	19170221	Nguyễn Thị Mỹ	Tho		Nợ HP		2	6		hai sáu	
10	20120169	Hoàng Đình Ngọc	Quang				0	0		không	
11	20120251	Trần Đức	Anh				5	4		năm bốn	
12	20170087	Nguyễn Thị Quí	Phụng				4	3		bốn ba	
13	21110170	Lê Phan Anh	Tài				7	5		bảy năm	
14	21110282	Phạm Hương	Giang				8	5		tám năm	
15	21110349	Đỗ Thành	Nguyên				7	6		bảy sáu	
16	21110353	Dương Minh	Nhật		Nợ HP		0	0		không	
17	21120286	Ngô Nhật	Long				3	0		ba không	
18	21140339	Nguyễn Bùi Hoàng	Dũng		Nợ HP		6	5		sáu năm	
19	21170166	Nguyễn Văn	Thiện				4	8		bốn tám	
20	21170173	Lê Bảo	Toàn				5	4		năm bốn	
21	21170184	Mai Quốc	Tùng				5	9		năm chín	
22	21210016	Trương Thị Hồng	Ánh				1	8		một tám	
23	21210026	Phạm Võ Tuyết	Hằng				0	8		không tám	
24	22120092	Trần Hà Lê	Hân				7	3		bảy ba	
25	22120104	Tăng Đức	Hiệp				5	4		năm bốn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: Ngô Nhật Kim Ngân	Họ, tên: Ngô Nhật Kim Ngân	Họ, tên:
1).....Chữ ký: ngay	Chữ ký: ngay	Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006820

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CSH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22120136	Mai Nhật	Huy				8	5		tám năm	
27	22120141	Võ Nguyễn Song	Huy				9	1		chín một	
28	22120142	Vy Quốc	Huy				8	9		tám chín	
29	22120174	Phạm Quốc	Kiệt				7	4		bảy bốn	
30	22120234	Đào Ngọc Thảo	Nguyên				8	9		tám chín	
31	22120322	Tổng Trọng	Tâm				7	9		bảy chín	
32	22120457	Khuru Hải	Châu				7	5		bảy năm	
33	22120460	Dương Hoài	Minh				7	9		bảy chín	
34	22180001	Dương Văn	An				8	8		tám tám	
35	22180002	Nguyễn Cao Hoài	An				8	6		tám sáu	
36	22180003	Nguyễn Hoài	An				3	9		ba chín	
37	22180004	Trương Thái Nhã	An				9	1		chín một	
38	22180005	Lê Ngọc Phương	Án				6	5		sáu năm	
39	22180007	Touneh Huỳnh Thiên	Án				0	0		không	
40	22180008	Đặng Quốc	Anh				6	4		sáu bốn	
41	22180009	Hà Thị Nhật	Anh				7	5		bảy năm	
42	22180011	Ngô Hoàng	Anh				0	0		không	
43	22180012	Nguyễn Hoàng Loan	Anh				8	5		tám năm	
44	22180013	Nguyễn Ngọc	Anh				6	3		sáu ba	
45	22180014	Nguyễn Ngọc Minh	Anh				7	3		bảy ba	
46	22180015	Nguyễn Văn Thế	Anh				8	0		tám không	
47	22180016	Nguyễn Vũ Hải	Anh		Nợ HP		0	0		không	
48	22180017	Trần Ngọc	Anh				8	4		tám bốn	
49	22180018	Nguyễn Thị	Ánh				7	5		bảy năm	
50	22180019	Trương Phước	Bách				8	0		tám không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn Ngân	Họ, tên: Nguyễn Kim Ngân	Họ, tên:
1).....Chữ ký: ngan	1).....Chữ ký: ngan	Chữ ký:
2).....Chữ ký:	2).....Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232006821

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CSH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22180020	Lê Trọng	Bằng				8	5		tám năm	
52	22180021	Lê Trần Bảo	Bảo				7	0		bảy không	
53	22180022	Trương Kim	Bảo				9	5		chín năm	
54	22180023	Nguyễn Thị An	Bình		Nợ HP		8	4		tám bốn	
55	22180025	Trương Quang	Chấn				7	6		bảy sáu	
56	22180026	Phạm Vũ Hồ	Châu				8	0		tám không	
57	22180027	Trần Minh	Châu				8	4		tám bốn	
58	22180028	Trần Nguyễn Bảo	Châu				6	8		sáu tám	
59	22180029	Hoàng Linh	Chi				8	8		tám tám	
60	22180030	Võ Đoàn Lệ	Chi				8	5		tám năm	
61	22180031	Hoàng Châu Kim	Cương				0	0		không	
62	22180032	Nguyễn Đặng Chí	Cường				9	0		chín không	
63	22180033	Lại Nguyễn Linh	Đan				7	4		bảy bốn	
64	22180034	Võ Minh	Đăng				8	1		tám một	
65	22180035	Đặng Bùi Quốc	Đạt				7	9		bảy chín	
66	22180036	Nguyễn Chí	Đạt				6	9		sáu chín	
67	22180037	Nguyễn Thị	Diên				8	9		tám chín	
68	22180039	Vũ Đình	Đông				9	1		chín một	
69	22180040	Nguyễn Lê Minh	Đức				5	4		năm bốn	
70	22180041	Nguyễn Thùy	Dương				6	8		sáu tám	
71	22180043	Diệp Trần Bảo	Duy		Nợ HP		0	0		không	
72	22180044	Nguyễn Phúc Thiện	Duyên				8	1		tám một	
73	22180045	Nguyễn Vi Thảo	Duyên				8	8		tám tám	
74	22180046	Lê Thị	Giang				6	5		sáu năm	
75	22180047	Lê Trường	Giang				7	1		bảy một	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: **Nguyễn Văn Ngân**
1).....Chữ ký: **Nguyễn Văn Ngân**
2).....Chữ ký:

Họ, tên: **Nguyễn Nhật Kim Ngân**
Chữ ký: **Nguyễn Nhật Kim Ngân**

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006822

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CSH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
76	22180048	Lường Thị Hoàng	Giang				7	3		bảy ba	
77	22180049	Trịnh Quỳnh	Giang				8	8		tám tám	
78	22180050	Từ Thanh	Giang				8	9		tám chín	
79	22180051	Lê Quỳnh	Giao				7	9		bảy chín	
80	22180052	Hoàng Nguyễn	Giáp				3	6		ba sáu	
81	22180053	Đặng Khánh	Hà				6	9		sáu chín	
82	22180054	Dương Ngọc	Hà		Nợ HP		0	0		không	
83	22180056	Lê Thị Bích	Hân				7	6		bảy sáu	
84	22180057	Nguyễn Thị Thu	Hằng				0	8		không tám	
85	22180058	Nguyễn Thu	Hằng				7	3		bảy ba	
86	22180059	Ninh Giao Mỹ	Hằng				8	4		tám bốn	
87	22180060	Nguyễn Phúc	Hậu				7	3		bảy ba	
88	22180061	Nguyễn Thị	Hiền				8	1		tám một	
89	22180062	Phạm Thúy	Hiền				3	8		ba tám	
90	22180063	Trần Chí	Hiệp				8	9		tám chín	
91	22180064	Đậu Trung	Hiếu				7	9		bảy chín	
92	22180065	Đoàn Minh	Hiếu				5	1		năm một	
93	22180066	Phạm Xuân	Hiếu		Nợ HP		0	0		không	
94	22180068	Nguyễn Minh	Hoàng				6	8		sáu tám	
95	22180069	Lê Thái	Học				8	0		tám không	
96	22180070	Vũ Huy	Hùng		Nợ HP		0	0		không	
97	22180071	Nguyễn Gia	Huy				8	5		tám năm	
98	22180072	Nguyễn Quang	Huy				7	4		bảy bốn	
99	22180073	Phan Nguyễn Hoàng	Huy				7	5		bảy năm	
100	22180074	Trần Hoàng	Huy				8	1		tám một	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Nhật Khanh
1).....Chữ ký: Nguyễn
2).....Chữ ký: Nguyễn

Họ, tên: Nguyễn Nhật Kim Ngân
Chữ ký: Nguyễn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006823

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CSH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

F207

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
101	22180075	Trương Văn Quốc	Huy			☐		0	0	không làm	
102	22180076	Cầm Khánh	Huyền			☐		4	9	bỏ quên	
103	22180077	Trần Nguyễn Gia	Hy		Nợ HP	☐		0	0	không làm	
104	22180078	Trương Gia	Hy			☐		5	0	làm xong	
105						☐					
106						☐					
107						☐					
108						☐					
109						☐					
110						☐					
111						☐					
112						☐					
113						☐					
114						☐					
115						☐					
116						☐					
117						☐					
118						☐					
119						☐					
120						☐					
121						☐					
122						☐					
123						☐					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Nguyễn Nhật Ngân	Họ, tên:	Nguyễn Nhật Kim Ngân	Họ, tên:	
1).....Chữ ký:	Nguyễn	Chữ ký:	Nguyễn	Chữ ký:	
2).....Chữ ký:					



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006891

Tên học phần: **Vật lý đại cương 3 (Cơ-Nhiệt nâng cao)**Mã học phần: **PHY00003**Lớp: **22VLH1TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22130006	Phạm Vũ Minh	Anh		<i>Minh</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
2	22130007	Phan Quốc Việt	Anh			☐	1	0	0	Mười	
3	22130013	Vũ Tuấn	Anh		<i>Anh</i>	☐	1	0	0	Mười	
4	22130017	Hà Gia	Bảo		<i>B</i>	☐	1	0	0	Mười	
5	22130018	Lê Trần Gia	Bảo			☐	1	0	0	Mười	
6	22130022	Trần Đại Gia	Bảo		<i>Bảo</i>	☐		7	7	Bảy bảy	
7	22130029	Nguyễn Hải	Đặng		<i>Đ</i>	☐	1	0	0	Mười	
8	22130033	Dương Khánh	Điền		<i>D</i>	☐	1	0	0	Mười	
9	22130038	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương		<i>T</i>	☐	1	0	0	Mười	
10	22130045	Phan Lam	Giang			☐		9	8	Chín tám	
11	22130063	Bùi Gia	Huy		<i>H</i>	☐	1	0	0	Mười	
12	22130071	Trần Quang	Huy		Nợ HP	☐	1	0	0	Mười	
13	22130078	Trần Duy	Khang		<i>Khang</i>	☐	1	0	0	Mười	
14	22130081	Phạm Anh	Khoa		<i>Khoa</i>	☐	1	0	0	Mười	
15	22130082	Nguyễn Lê Minh	Khôi			☐	1	0	0	Mười	
16	22130087	Nguyễn Kim Trúc	Linh		<i>Trúc</i>	☐	1	0	0	Mười	
17	22130096	Trần Đức	Lương			☐	1	0	0	Mười	
18	22130122	Lê Quốc	Nguyên		<i>Quốc</i>	☐	1	0	0	Mười	
19	22130127	Dương Trần Chí	Nhân		<i>Nhân</i>	☐	1	0	0	Mười	
20	22130130	Mai Nguyễn Phương	Nhi		<i>Nhi</i>	☐	1	0	0	Mười	
21	22130134	Lâm Tâm	Như		<i>Như</i>	☐	1	0	0	Mười	
22	22130143	Võ Minh	Phước		<i>Phu</i>	☐	1	0	0	Mười	
23	22130144	Trần Hoài	Phương		<i>H</i>	☐	1	0	0	Mười	
24	22130150	Nguyễn Đình	Quyền			☐	1	0	0	Mười	
25	22130153	Quách Thiệu	Sâm		<i>Sâm</i>	☐	1	0	0	Mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Phạm Trung Vĩnh</i> Chữ ký: <i>V</i> 2) Chữ ký: <i>V</i>	Họ, tên: <i>Phạm Trung Vĩnh</i> Chữ ký: <i>V</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006892

Tên học phần: **Vật lý đại cương 3 (Cơ-Nhiệt nâng cao)**

Mã học phần: **PHY00003**

Lớp: **22VLH1TN**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22130165	Nguyễn Văn Long	Thành		<i>En</i>	☐	1	0	0	Mười	
27	22130167	Thân	Thành			☐	1	0	0	Mười	
28	22130168	Vòng Vĩnh	Thành		<i>Phan</i>	☐	1	0	0	Mười	
29	22130183	Lê Đức	Tiến		Tiến	☐		9	5	Chín rưỡi	
30	22130190	Phan Chánh	Tính			☐	1	0	0	Mười	
31	22130193	Trần Thị Ngọc	Trâm		<i>Phan</i>	☐	1	0	0	Mười	
32	22130216	Ao Dương	Vĩ		<i>Du</i>	☐	1	0	0	Mười	
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1). *Phan Trung Vĩnh* Chữ ký: *Vc*
2). Chữ ký:

Họ, tên: *Phan Trung Vĩnh*
Chữ ký: *Vc*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006888

Tên học phần: **Vật lý đại cương 3 (Cơ-Nhiệt nâng cao)**

Mã học phần: **PHY00003**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	18130042	Trần Đức	Duy		Nợ HP			9	3	Chín ba	
2	19130242	Lợi Thiên	Trí		Nợ HP		1	0	0	Mười	
3	20130077	Trần Thị Xuân	Hiền		Nợ HP		1	0	0	Mười	
4	20130142	Nguyễn Chánh	Tú		Nợ HP		1	0	0	Mười	
5	20230048	Nguyễn Thiên	Phúc		Nợ HP			0	0	Không	
6	21130176	Vũ Thạch Thanh	Huy				1	0	0	Mười	
7	21230071	Nguyễn Quốc	Thịnh					0	0	Không	
8	21260088	Đặng Nguyễn Mai	Thy					9	0	Chín	
9	22130002	Nguyễn Trần Khánh	An					4	3	Bốn ba	
10	22130003	Ngô Gia	Ân				1	0	0	Mười	
11	22130008	Trần Ngọc	Anh				1	0	0	Mười	
12	22130009	Trần Nguyễn Quang	Anh				1	0	0	Mười	
13	22130010	Trịnh Đức	Anh				1	0	0	Mười	
14	22130011	Võ Hoàng	Anh				1	0	0	Mười	
15	22130014	Ngô Trần Ngọc	Ánh					9	7	Chín bảy	
16	22130015	Lâm Tùng	Bách		Nợ HP			9	3	Chín ba	
17	22130020	Nguyễn Hồ Thái	Bảo				1	0	0	Mười	
18	22130023	Trần Thị Thanh	Bình				1	0	0	Mười	
19	22130024	Hồ Mỹ Thu	Chi		Nợ HP		1	0	0	Mười	
20	22130025	Phạm Thị	Chúc				1	0	0	Mười	
21	22130030	Nguyễn Hoài	Danh					9	7	Chín bảy	
22	22130032	Nguyễn Quốc	Đạt				1	0	0	Mười	
23	22130035	Trần Thái Trọng	Đức				1	0	0	Mười	
24	22130037	Vũ Việt	Dũng					9	2	Chín hai	
25	22130039	Nguyễn Thái	Dương				1	0	0	Mười	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1). Phạm Trung Vĩnh Chữ ký: Vc
2). Chữ ký:

Họ, tên: Phạm Trung Vĩnh
Chữ ký: Vc

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232006889

Tên học phần: **Vật lý đại cương 3 (Cơ-Nhiệt nâng cao)**

Mã học phần: **PHY00003**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22130044	Nguyễn Thùy	Giang			☐	1	0	0	Mười	
27	22130046	Phạm Nguyễn Thanh	Giàu			☐	1	0	0	Mười	
28	22130047	Phạm Việt	Hải		Nợ HP	☐		0	0	Không	
29	22130048	Trần Gia	Hân			☐		8	8	Tám tám	
30	22130052	Võ Ngọc	Hiếu			☐	1	0	0	Mười	
31	22130056	Vũ Ngọc Diễm	Hồng		Nợ HP	☐		9	8	Chín tám	
32	22130057	Lê Thanh	Hùng			☐	1	0	0	Mười	
33	22130058	Kiều Việt	Hung			☐		0	0	Không	
34	22130059	Phan Đức	Hung		Nợ HP	☐		0	0	Không	
35	22130060	Trần Khải	Hung			☐	1	0	0	Mười	
36	22130061	Du Mỹ	Hương			☐		9	4	Chín bốn	
37	22130062	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương			☐	1	0	0	Mười	
38	22130064	Đinh Việt	Huy			☐	1	0	0	Mười	
39	22130066	Hồ Quốc	Huy		Nợ HP	☐		0	0	Không	
40	22130067	Hồng Quang	Huy			☐	1	0	0	Mười	
41	22130073	Trần Đức	Khải		Nợ HP	☐	1	0	0	Mười	
42	22130075	Lê Duy	Khang			☐	1	0	0	Mười	
43	22130076	Nguyễn Đăng Duy	Khang		Nợ HP	☐		0	0	Không	
44	22130077	Nguyễn Văn	Khang			☐	1	0	0	Mười	
45	22130079	Huỳnh Lê Duy	Khánh			☐	1	0	0	Mười	
46	22130083	Nguyễn Duy An	Khuong			☐	1	0	0	Mười	
47	22130085	Phạm Tuấn	Kiệt			☐	1	0	0	Mười	
48	22130089	Nguyễn Thị Thanh	Loan			☐		9	7	Chín bảy	
49	22130090	Lê Dương	Lộc			☐		7	8	Bảy tám	
50	22130091	Phạm Thị Xuân	Lộc		Nợ HP	☐		0	0	Không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Phạm Trung Vĩnh</u> Chữ ký: <u>Vc</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Phạm Trung Vĩnh</u> Chữ ký: <u>Vc</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Bài tập

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232006890

Tên học phần: **Vật lý đại cương 3 (Cơ-Nhiệt nâng cao)**

Mã học phần: **PHY00003**

Lớp: **22VLH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
51	22130093	Tô Trần Hoàng	Long		Nợ HP	☐	1	0	0	Mười	
52	22130094	Trần Đức	Long			☐		0	0	Không	
53	22130098	Đinh Nhựt	Lý		<u>Ly</u>	☐	1	0	0	Mười	
54	22130099	Huỳnh Ngọc	Mẫn		<u>Mam</u>	☐	1	0	0	Mười	
55	22130100	Nguyễn Minh	Mẫn		<u>Minh</u>	☐	1	0	0	Mười	
56	22130101	Đinh Phúc	Minh		Nợ HP	☐	1	0	0	Mười	
57	22130102	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh			☐	1	0	0	Mười	
58	22130105	Lương Ái	My		<u>My</u>	☐	1	0	0	Mười	
59	22130106	Phạm Ngọc	My		<u>Phu</u>	☐	1	0	0	Mười	
60	22130108	Lý Nguyễn Mạnh Hoàn	Mỹ		<u>Kh</u>	☐	1	0	0	Mười	
61	22130109	Dương Trần Linh	Nga		<u>Nga</u>	☐	1	0	0	Mười	
62	22130110	Đặng Phạm Kim	Ngân		<u>Ngan</u>	☐	1	0	0	Mười	
63	22130112	Nguyễn Lê Hải	Ngân		<u>Ngan</u>	☐	1	0	0	Mười	
64	22130113	Võ Lê Phương	Nghi			☐	1	0	0	Mười	
65	22130114	Lý Chính	Nghĩa			☐		4	0	Bốn không	
66	22130116	Huỳnh Mỹ	Ngọc		<u>Ngoc</u>	☐	1	0	0	Mười	
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). <u>Phạm Trung Vĩnh</u> Chữ ký: <u>Ve</u> 2). Chữ ký:	Họ, tên: <u>Phạm Trung Vĩnh</u> Chữ ký: <u>Ve</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001689

Tên học phần: **Vật lý nguyên tử**

Mã học phần: **PHY10012**

Lớp: **21VLH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	20130103	Phạm Quốc	Lượng					8			
2	20130133	Thạch	Tĩnh								
3	20230011	Từ Đồng	Thuận					3			
4	20230048	Nguyễn Thiên	Phúc					5			
5	21130026	Lê Quốc	Duy					6			
6	21130042	Trần Kiến	Hoà					3			
7	21130115	Trương Gia	Bảo					5			
8	21130203	Hà	Minh								
9	21130247	Phạm Như	Quỳnh								
10	21130320	Trần Tuấn	Văn					2			
11	21230028	Ngô Minh	Thùy				1	0			
12	21230033	Lê Tấn	Đạt								
13	21230059	Nguyễn Tấn	Phát					1			
14	21230070	Tất Hữu	Thành					2			
15	21260049	Trần Thị Thúy	An					4			
16	21260050	Phan Hồng	Anh					5			
17	21260051	Phan Hoàng	Đạo					5			
18	21260062	Trần Thị Phương	Huyền				1	0			
19	21260067	Lê Thảo	Linh					5			
20	21260068	Tô Hoàng	Minh					6			
21	21260077	Nguyễn Bình	Nguyên					7			
22	21260080	Phạm Thị Diễm	Như				1	0			
23	21260081	Lý Nguyễn Minh	Phúc								
24	21260083	Lê Quốc	Thái					5			
25	21260084	Dương Nhật	Thảo				1	0			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Thái Thị Nga</u> Chữ ký: 2) <u>Lê Thị Ngọc Hoa</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh</u> Chữ ký: 	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001690

Tên học phần: **Vật lý nguyên tử**

Mã học phần: **PHY10012**

Lớp: **21VLH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21260090	Trần Tuyết	Trần		<i>Trần</i>	☐	1	0			
27	21260092	Huỳnh Thiên	Trúc		<i>Trúc</i>	☐	1	0			
28	21260096	Trần Hồ Hữu	Văn		<i>Trần</i>	☐		8			
29						☐					
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Thái Thu Nga</i> Chữ ký: 2) <i>Lê T. Ngọc Hoa</i> Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh</i> Chữ ký: <i>anh</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001686

Tên học phần: **Vật lý nguyên tử**

Mã học phần: **PHY10012**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19130126	Nguyễn Phước Quý	Trung		<i>Truong</i>	☐		4			
2	20130065	Võ Hoàng	Bửu			☒					
3	20230020	Nguyễn Thanh	Bình		<i>Binh</i>	☐		5			
4	20260062	Nguyễn Thành	Danh		<i>Thanh</i>	☐		3			
5	20260084	Huỳnh Khải	Luân			☒					
6	21130001	Tân Mai	Hương		<i>Huong</i>	☐	1	0			
7	21130007	Phạm Lê	Việt		<i>Le</i>	☐	1	0			
8	21130022	Cao Tiến	Đạt		<i>Tien</i>	☐		8			
9	21130027	Lê Quốc	Duy		<i>Quoc</i>	☐		7			
10	21130031	Lê Thị Thúy	Hà		<i>Thuy</i>	☐	1	0			
11	21130055	Trần Minh	Khôi		<i>Minh</i>	☐		6			
12	21130061	Lưu Quốc	Minh		<i>Quoc</i>	☐		5			
13	21130080	Nguyễn Thị Lam	Quỳnh		<i>Lam</i>	☐		5			
14	21130094	Đào Duy	Tùng		<i>Duy</i>	☐		8			
15	21130096	Trần Nguyễn Nhã	Uyên		<i>Nha</i>	☐		5			
16	21130099	Trương Trần Nhật	Vy		<i>Truong</i>	☐		8			
17	21130101	Diệp Nguyễn Hồng	An		<i>Hong</i>	☐		5			
18	21130108	Phạm Ngọc Quế	Anh		<i>Quai</i>	☐		2			
19	21130112	Lâm Gia	Bảo		<i>Gia</i>	☐		5			
20	21130114	Lê Hữu	Bảo		<i>Huu</i>	☐		6			
21	21130116	Quách Thị Thái	Bình		<i>Thai</i>	☐		2			
22	21130118	Lê Thị Ngọc	Cầm		<i>Ngoc</i>	☐		3			
23	21130120	Nguyễn Ngọc Minh	Châu		<i>Minh</i>	☐		5			
24	21130125	Lê Thành	Danh		<i>Thanh</i>	☐		5			
25	21130126	Ngô Lê Quang	Đạt		<i>Quang</i>	☐		2			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Quang Minh</i> ... Chữ ký: <i>Tran</i> 2) <i>N.T. Diễm</i> ... Chữ ký: <i>Diem</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Thanh Tuấn Anh</i> ... Chữ ký: <i>Thanh</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001687

Tên học phần: **Vật lý nguyên tử**

Mã học phần: **PHY10012**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21130128	Nguyễn Công	Đạt			☐		2			
27	21130132	Nguyễn Ngọc Hương	Di			☐		3			
28	21130164	Nguyễn Trung	Hiếu			☐		5			
29	21130167	Phạm Ngọc Dung	Hòa			☐		5			
30	21130170	Trần	Hoàng			☐		5			
31	21130171	Nguyễn Thị Kim	Huệ			☐		5			
32	21130176	Vũ Thạch Thanh	Huy			☐		2			
33	21130177	Bùi Nguyễn Nguyên	Khang			☐		5			
34	21130182	Trần Đại Bảo	Khanh			☐		7			
35	21130189	Lê Thị Phương	Lan			☐		5			
36	21130192	Trần Nhã	Linh			☐		5			
37	21130193	Trương Khánh	Linh			☐		6			
38	21130199	Nguyễn Ngọc Sao	Mai			☐		7			
39	21130206	Trần Thanh	Nam			☐		3			
40	21130208	Đoàn Thị Thanh	Ngân			☐		5			
41	21130209	Lý Gia	Nghi			☐		5			
42	21130213	Trần Minh	Ngọc			☐		2			
43	21130214	Nguyễn Anh	Nguyên			☐		6			
44	21130218	Lê Thị Minh	Nguyệt			☐		6			
45	21130220	Nguyễn	Nhạc			☐		1			
46	21130225	Nguyễn Lê Phương	Như			☐		7			
47	21130231	Nguyễn Võ Minh	Phi			☐		2			
48	21130232	Nguyễn Ngọc	Phú			☐		6			
49	21130235	Phạm Ngọc	Phụng			☐		3			
50	21130242	Nguyễn Hồng	Quân			☐		4			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>NT. Diễm. Trọng</u> Chữ ký: 2) <u>Trần. Quang. Minh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001688

Tên học phần: **Vật lý nguyên tử**

Mã học phần: **PHY10012**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21130244	Ngô Hữu	Quyển					5			
52	21130254	Dương Cẩm	Thạch								
53	21130255	Nguyễn Vĩnh	Thái					1			
54	21130260	Nguyễn Thị	Thảo					7			
55	21130282	Trần Thị Thu	Thủy					5			
56	21130299	Thạch Thị Huyền	Trần					3			
57	21130300	Đỗ Trần Diệu	Trang					4			
58	21130303	Lê Minh	Trí					5			
59	21130304	Nguyễn Minh	Trí					7			
60	21130307	Trần Đức	Trọng								
61	21130308	Phạm Thị Hồng	Trúc					5			
62	21130316	Phạm Thu	Uyên					7			
63	21130324	Đinh Thành	Vinh					2			
64	21130331	Nguyễn Bình	Yên					2			
65	21260007	Nguyễn Hoàng Minh	Thư					7			
66											
67											
68											
69											
70											
71											
72											
73											
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Quang Minh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Huyền Tuấn Anh</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Nguyễn Yến Ngọc</u> Chữ ký:		